Present Continuous (Hiện tại tiếp diễn)

Cách thêm -ing làm theo từng bước 1 -> 2 -> 3 -> 4

1/ V kết thúc = 1 e -> bỏ e +ing (nếu 2 e thì + ing bình thường)

make -> making

2/ Quy tắc V1.1.1 (V động từ có : 1 âm tiết + 1 nguyên âm +1 phụ âm cuối) -> gấp đôi phụ âm cuối +ing

Run → 1 âm tiết
→ 1 nguyên âm : u
→ 1 phụ âm : n
→ running

3/ V kết thúc = ie -> bỏ ie + ying

Lie -> lying

4/ Còn lại +ing

Bài tập

1. Add-ing :

1.1/ V kết thúc = e => Bỏ e + ing

0. take -> taking
1. come ->_____
2. bounce ->_____
3. ride -> _____
4. dance -> _____
5. have ->_____

1.2/ V1.1.1 => V có 1 âm tiết + 1 nguyên âm +1 phụ âm cuối => gấp đôi phụ âm cuối +ing

1. run -> running	4. hug ->_____
2. swim-> _____	5. get ->_____
3. jog -> _____	6. stop ->_____

LIVEWORKSHEETS

1.3/ V1.1.1 => V kết thúc = ie -> bỏ ie +ing

1. lie -> lying

2. die ->_____

3. tie ->_____

1.4/ Add -ing (theo quy tắc từng bước thêm ing)

1. buy -> _____	16. agree ->_____
2. cry ->_____	17. skate -> _____
3. do ->_____	18. speak ->_____
4. eat ->_____	19. sing ->_____
5. go ->_____	20. travel ->_____
6. play->_____	21. paint ->_____
7. stop->_____	22. hug ->_____
8. take ->_____	24. wash –>_____
9. use ->_____	25. write ->_____
10. have ->_____	26. die ->_____
11.read ->_____	27. tie ->_____
12. rain ->_____	28. run ->_____
13. study ->_____	29. sit ->_____
14. plan ->_____	15. cut->_____

2. Write am/ is/ are

1. I _____ skating.

2. She _____ dancing.

3. Mom and I _____ running.

4. They _____ watching comics.

5. We _____ cooking dinner.

6. You _____ playing games.

7. Penguin and Pony _____ reading comics.

8. Bella _____ sleeping

LIVEWORKSHEETS